

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 05/01/2026  
*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn Tiến Tịnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên  
tòa:** Bà Lại Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 10/10/1982, địa chỉ: Thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (nhận văn bản tố tụng của Tòa án): Ông Trần Kim T, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Chu Văn Đ1, sinh ngày 04/01/1981, địa chỉ liên hệ: Ifflandstrabe 10179, B, G. Nơi cư trú cũ tại Việt Nam: Thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (nhận văn bản tố tụng của Tòa án): Anh Chu Nguyễn Hồng P, sinh năm 2007, địa chỉ: Thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2025, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Chu Văn Đ1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2003 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình chung sống, ông bà có nhiều mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nên bà Đ và ông Đ1 đã không còn chung sống với nhau. Bà Đ nhận thấy hôn nhân của ông bà không thể hàn gắn được nên bà Đ

yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đ được ly hôn với ông Chu Văn Đ1.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Chu Văn Đ1 có 03 con chung là Chu Thị Mỹ N, sinh ngày 15/01/2004; Chu Nguyễn Hồng P, sinh ngày 10/01/2007 và Chu Nguyễn Anh Đ2, sinh ngày 24/8/2013. Hiện nay cháu N và cháu P đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Chu Nguyễn Anh Đ2 đến tuổi trưởng thành. Bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

*- Theo lời khai của bị đơn ông Chu Văn Đ1 có trong hồ sơ vụ án:*

Ông Chu Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2003 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình chung sống, ông bà có nhiều mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nên bà Đ và ông Đ1 đã không còn chung sống với nhau. Theo đơn khởi kiện thì ông Đ1 đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Chu Văn Đ1 có 03 con chung là Chu Thị Mỹ N, sinh ngày 15/01/2004; Chu Nguyễn Hồng P, sinh ngày 10/01/2007 và Chu Nguyễn Anh Đ2, sinh ngày 24/8/2013. Hiện nay cháu N và cháu P đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Đ1 đồng ý giao con chung Chu Nguyễn Anh Đ2 cho bà Đ có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Đ1 và bà Đ1 thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10 tháng 11 năm 2025, ông Chu Văn Đ1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; sau khi đưa vụ án ra xét xử bà Đ và ông Đ1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Chu Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Đ.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ ly hôn với ông Chu Văn Đ1.

Về con chung: Giao con chung Chu Nguyễn Anh Đ2, sinh ngày 24/8/2013 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Ông Chu Văn Đ1 có thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:*

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Do đó, đây là quan hệ “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Đ có địa chỉ tại thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, bị đơn ông Chu Văn Đ1 đang sinh sống tại I, B, G. Căn cứ Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

[1.3]. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Về nội dung vụ án.*

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Chu Văn Đ1 đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2003 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) theo quy định của pháp luật trên cơ sở tự nguyện, đời sống hôn nhân giữa bà Đ và ông Đ1 thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn và bất hòa, nguyên nhân là do cả hai không cùng quan điểm sống, bà Đ có nguyện vọng được ly hôn với ông Đ1. Ông Đ1 đồng ý ly hôn với bà Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông Đ1 là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Đ ly hôn với ông Chu Văn Đ1.

[2.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ có nguyện vọng nuôi con chung là Chu Nguyễn Anh Đ2, sinh ngày 24/8/2013. Sau khi bà Đ và ông Đ1 không sống chung với nhau thì cháu Đ2 ở với bà Đ, ông Đ1 đồng ý giao con cho bà Đ được trực tiếp nuôi nên giao các con chung cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi là phù hợp. Bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Ông Chu Văn Đ1 có thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4.]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 477, Điều 478, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ ly hôn ông Chu Văn Đ1.

2. Về con chung: Giao con chung Chu Nguyễn Anh Đ2, sinh ngày 24/8/2013 cho bà Nguyễn Thị Đ có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Ông Chu Văn Đ1 có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

*đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003533 ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

6. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8 (02 bản);
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trần Thị Thanh Tâm**